

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Huy Liên

2. Ông Ngô Tiến Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:

Bà Lê Ánh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Quý H**

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, phường C, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bị đơn: Ông **Lê Kỳ V**

Địa chỉ: Tổ A, thôn B, phường C, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quý H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V tự nguyện kết hôn, được UBND phường E, thành phố F, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 18 tháng 01 năm 2000. Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông V xảy ra nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2011 cho đến nay ông V đã bỏ bà H đi ngoại tình, về nhà hành hạ đánh đập bà H. Ông V là người vô trách nhiệm, không quan tâm đến gia đình. Tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn được, vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông V.

Về con chung: Bà H và ông V có 01 con chung tên là Lê Quốc D, sinh

ngày 02/01/2002. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H; giao con chung là cháu Lê Quốc D, sinh ngày 02/01/2002 cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ông V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Kỳ V nhiều lần nhưng ông V không đến Tòa. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai để ông V tham gia phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Quý H và ông Lê Kỳ V tự nguyện kết hôn, được UBND phường E, thành phố F, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 18 tháng 01 năm 2000. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của Bà H, tình cảm giữa bà và ông V từ lâu đã rạn nứt không thể hàn gắn được do xảy ra nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2011 cho đến nay, ông V đã bỏ bà H đi ngoại tình, về nhà hành hạ đánh đập Bà H. Mặc dù chính quyền địa phương không rõ được mâu thuẫn vợ chồng, song qua kết quả xác minh tại Công an phường C được biết: từ năm 2016 ông V đã chuyển lên sinh sống tại thành phố Đà Lạt, có đi về địa phương. Điều này cho thấy lời khai của Bà H về việc ông V bỏ nhà đi, thiếu trách nhiệm với gia đình là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu của bà H về việc được ly hôn ông V.

Về con chung: Bà H và ông V có 01 con chung tên là Lê Quốc D, sinh ngày 02/01/2002. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Cháu D từ lâu nay vẫn ở với mẹ và có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung là cháu Lê Quốc D cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà H yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng ông V là cha nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn và mức cấp dưỡng mà Bà H yêu cầu là phù hợp do đó chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Quý H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp nên bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Lê Kỳ V án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự,1

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Quý H được ly hôn ông Lê Kỳ V.

2.Về con chung: Bà Nguyễn Thị Quý H và ông Lê Kỳ V có 01 con chung tên là Lê Quốc D, sinh ngày 02/01/2002. Giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi.

Ông V được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H và ông V đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quý H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0008194 ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Lê Kỳ V án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

Quy định chung: Kể từ khi bà Nguyễn Thị Quý H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông Lê Kỳ V không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Chi cục THA dân sự TP.NT, tỉnh Khánh Hòa
- UBND phường E, thành phố F, tỉnh H
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa